

ĐỊNH DANH MỞ RỘNG TỪ GÓC NHÌN NGÔN NGỮ LÀ HÀNH ĐỘNG XÃ HỘI

GS. TSKH NGUYỄN LAI

Abstract: On researching the way to use language, we need to think of language as a way of carrying out social activities of human, through which the objects in real world are acculturated and transformed in the very identified realistic purposes

Key words: *Language as social activities; Language in the new realistic social action orientation.*

Như thường thấy, phẩm chất mới tạo nên *định danh mở rộng* thường hiện rõ ngay trên bề mặt hình thái đơn vị. Trật tự hình thái của loại đơn vị từ vựng mới này có thể xem là hệ quả của một dạng tương tác ít nhiều mang tính áp đặt vốn được con người tạo ra trong hoàn cảnh xã hội mới.

Con đò kháng chiến // ngày công chống Mỹ // con chữ Cụ Hồ

Tại đây, tính áp đặt, sự chia sẻ ý định, niềm tin và hiệu ứng giao tiếp luôn là những vấn đề phức hợp chưa quen, đang đặt ra đối với người nghiên cứu.

Để nhận ra bản chất tri nhận của ngữ cảnh ảnh hưởng đến việc mô tả hành vi ngôn ngữ theo các động thái thay đổi ngữ cảnh, trong khi phân tích việc áp đặt hành vi ngôn ngữ, Stalnaker (1999) đã phát hiện ra điều thú vị tuy nhỏ nhưng rất có ý nghĩa: "Khi việc áp đặt hành vi được thực hiện, nội dung của nó được thêm vào các tiền giả định của những người tham gia và, do đó, cũng được thêm vào ngữ cảnh tri nhận. Khi ngữ cảnh

thay đổi, tập hợp thế giới khách quan mà người tham gia có thể mong muốn được phân định rạch ròi sẽ bị giảm đi" [6, 78]...

Phải chăng đây là thời điểm khi mới xuất hiện những hiện tượng định danh mở rộng:

Con đò kháng chiến / con đò <= kháng chiến

Ngày công chống Mỹ / ngày công <= chống Mỹ

Con chữ cụ Hồ / con chữ <= cụ Hồ

Điều "phân định rạch ròi bị giảm đi" ở đây phải chăng cụ thể là:

(1) Từ loại của thành phần tham gia mở rộng đang có vai trò xác định *thuộc tính mới* (đứng sau thành phần nòng cốt) không thuộc dạng tính từ theo thông lệ.

(2) Ngữ cảnh tri nhận thông qua các tiền giả định mới ở đây, do vậy, được cụ thể hóa bằng mối quan hệ kết hợp "ít rạch ròi" về mặt trật tự cú pháp tại hình thái cấu trúc.

(3) Từ đó, cuối cùng, không thể máy móc đứng về mặt chiết tự để giải thích đây dù ý nghĩa của cấu trúc, trái lại phải nhận dạng theo cách dùng qua định hướng hành động của người trong cuộc đang sử dụng ngôn ngữ:

CON ĐÒ KHÁNG CHIẾN = con đò phục vụ công cuộc kháng chiến;

NGÀY CÔNG CHỐNG MỸ = ngày công phục vụ cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước;

CON CHỮ CỤ HỒ = con chữ nhờ cách mạng do cụ Hồ lãnh đạo đưa lại.

(4) Như vậy, đối tượng tham chiếu của đơn vị định danh mở rộng ở đây là *ngôn ngữ trong cách dùng (linguistic in use)* chứ không phải *ngôn ngữ trong ngữ pháp tính (linguistic in grammaticality)*. Sự kết hợp, do vậy, hầu như diễn ra theo xu thế *đặc ngữ (idiomatic tendency)* vốn có thể coi như tiền thân hoặc cùng dạng với ngữ pháp kí hiệu hoặc ngữ pháp cấu trúc.

Cùng đối tượng đặt ra trên, nhưng từ góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, Lakoff (2008) có cách phát hiện riêng: "Những khái niệm vượt qua đặc trưng cố hữu một cách dễ thấy, khi chúng ta đưa những từ bỏ nghĩa khác nhau vào trong khái niệm qua các đặc trưng tương tác" [2, 90].

con đò <= KHÁNG CHIẾN = con đò kháng chiến;

ngày công <= CHỐNG MỸ = ngày công chống Mỹ;

con chữ <= CỤ HỒ = con chữ cụ Hồ.

Đúng vậy, ở đây, chúng ta đã đưa những từ bỏ nghĩa khác nhau vào

trong khái niệm qua các đặc trưng tương tác. Tại đây, theo Lakoff, "Mối quan tâm về cách chúng ta hiểu được trải nghiệm đòi hỏi một định nghĩa rất khác một khái niệm chuẩn, tức là chúng ta quan tâm đến cách con người nắm bắt khái niệm, hiểu nó và dựa vào nó để hoạt động ra sao" [2, 88]...

Như vậy, khi coi sự xuất hiện định danh mở rộng như một dạng hành vi ngôn ngữ vốn gắn liền với trải nghiệm thì cách giải thích về loại đơn vị từ vựng này phải được rộng mở hơn. Tức là, ở đây, các khái niệm mới nằm trong định danh mở rộng vốn là cái chưa có sẵn trong bản thân sự vật, sự xuất hiện của chúng phải nhờ vào các đặc trưng tương tác vốn có liên quan đến nhận thức, hoạt động vận động, mục đích. Do vậy, các khái niệm này không được định nghĩa đơn thuần dưới dạng các đặc trưng cố hữu, mà phải được định nghĩa chủ yếu dưới dạng các đặc trưng tương tác.

CON ĐÒ KHÁNG CHIẾN = con đò phục vụ công cuộc kháng chiến;

NGÀY CÔNG CHỐNG MỸ = ngày công phục vụ cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước;

CON CHỮ CỤ HỒ = con chữ nhờ cách mạng do cụ Hồ lãnh đạo đưa lại.

Có thể nói, những trải nghiệm này sinh từ sự tương tác của hoàn cảnh xã hội mới đã chuyên hóa thành phạm trù nhận thức mới qua bình diện ngôn ngữ, tạo thành các đơn vị định danh mở rộng. Đây chính là một dạng đơn vị từ vựng mới được cập nhật trong vai "hiện thực trực tiếp của tư duy", có chức năng sớm định hướng

phát triển cho các hiện tượng mới phát sinh, đang còn chưa phổ biến, trở thành cái phổ biến. Vai trò của định danh mở rộng được coi như một dạng "án dụ trải nghiệm" vốn có quan hệ với nhận thức và hoạt động thực tiễn này thường trở thành đối tượng ít được quan tâm nhận dạng đầy đủ đối với giới nghiên cứu. Về thực trạng này, nhiều nhà ngữ nghĩa học kinh điển đã không ít lần khuyến cáo chúng ta: "Khi nghiên cứu mối quan hệ có tác dụng hợp nhất ngôn ngữ, hiện thực khách quan và tư duy, chúng ta chưa chú ý đầy đủ đến quá trình cố định hóa các kết quả của nó trong nội dung các đơn vị ngôn ngữ. Chúng ta cũng chưa quan tâm đầy đủ đến việc xem ngôn ngữ là một hình thức xã hội của hoạt động con người, nhờ đó mà các khách thể trong thế giới hiện thực được đồng hóa và được chuyển vào những mục đích thực tiễn rất xác định". (G. Kolshanskij, *Cơ sở triết học trong ngôn ngữ học*, 1984)

Khi xử lí các mối liên hệ không đơn giản này với đối tượng định danh mở rộng, cái khó chủ yếu đặt ra là: *Sự xuất hiện trải nghiệm không tách rời với tương tác từ hoàn cảnh mới thông qua hành vi ngôn ngữ có định hướng của người sử dụng ngôn ngữ luôn trở thành đối tượng phức hợp đối với quá trình nghiên cứu.* Tại đây, khi đi vào đối tượng này, trước hết, không thể không đặc biệt lưu ý đến vấn đề ngữ cảnh. Trong tính triệt để của cách tiếp cận, ngữ cảnh ở đây "không phải là cái có sẵn, không phụ thuộc vào hành vi ngôn ngữ" như lâu nay chúng ta vốn quan niệm; trái lại, ngữ cảnh ở đây là loại "ngữ cảnh mang tính hành động thông qua hành vi

ngôn ngữ" vốn được xác định từ động lực xã hội với cả ý định và niềm tin đang được chia sẻ trong quá trình giao tiếp để hành động của cộng đồng [7, 5]. Chỉ khi nào đi vào động lực xã hội trong hành vi ngôn ngữ như trên, chúng ta mới có điều kiện nhận dạng đúng được những gì đang thuộc về trạng thái ngữ cảnh "ít nhiều mang tính áp đặt" của chính đối tượng định danh mở rộng. Tri nhận ngữ cảnh theo cách xác định trên, ta mới trở lại nhận ra đích thực hơn thế nào là *động lực xã hội* trong hành vi ngôn ngữ. Và, chính cơ chế mới về cách tri nhận ngữ cảnh này còn giúp ta hiểu rõ hơn cách đặt vấn đề tạo nghĩa của Lakoff từ góc nhìn chia sẻ trải nghiệm: "Khi được đặt vào hoàn cảnh giao tiếp xác định thì nghĩa mới có giá trị đến điểm đỉnh, và đây là lúc người tiếp nhận dần hiểu ra những điểm chung về trải nghiệm mà trước đó họ chưa thể chia sẻ được [2, 174]. Như vậy, nếu tách ngôn ngữ ra khỏi động lực hành động xã hội có chủ đích của con người và mặt khác, nếu không thấy động lực hành động xã hội có chủ đích kia chính cũng là "sản phẩm của tiền giả định" (product of presupposition) nằm trong chiều sâu ngữ cảnh xã hội (vốn đã được mặc nhận như một nhân tố kích thích giao tiếp) thì ta không giải thích được cái gì đã tạo ra sự nhạy bén đối với cộng đồng trong cách chia sẻ dạng nhận thức mới vốn đang được hình thành qua định danh mở rộng.

Như chúng ta biết, chẳng hạn trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, chắc chắn không phải hoàn toàn ngẫu nhiên mà ta thường thấy xuất hiện hàng loạt những kết hợp định danh mở rộng trong đó có hai tiếng *kháng chiến*: *Tinh thần kháng chiến*;

Gia đình kháng chiến; Người mẹ kháng chiến; Lớp học kháng chiến; Con đò kháng chiến; Hũ gạo kháng chiến; Ngày công kháng chiến; v.v...

Lúc đầu, tiếp cận những kết hợp định danh mở rộng mới hình thành này, quả ít nhiều cảm thấy lạ tai, do chức năng của yếu tố *kháng chiến* gần như bị lạm dụng trong vai trò định ngữ. Nhưng rồi cùng với thời gian, qua thực tiễn khách quan của cuộc kháng chiến lúc bấy giờ, cách gọi tên sự vật theo hướng mở rộng trên chẳng những là điều có thể hiểu được, mà đó còn là những tiếng nói cần thiết cho giai đoạn lịch sử đối với cộng đồng.

Có thể nói, yếu tố *kháng chiến* như là một phẩm chất mới, một thuộc tính mới của sự vật và hiện tượng được phát hiện từ những trải nghiệm thực tiễn mới trong đời sống chiến đấu hàng ngày lúc bấy giờ - điều mà giai đoạn trước đó chưa thấy. Đó là một hiện thực mới và cũng có thể nói rộng ra, đó là diện mạo mới thuộc về đời sống tinh thần, gắn với sự thay đổi ngữ cảnh, qua thực tiễn hành động giao tiếp xã hội, đang được đồng hóa vào ngôn ngữ. Cách giải thích cho người ta hiểu được trải nghiệm - từ chỗ áp đặt đến chỗ không còn áp đặt đối với định danh mở rộng - đòi hỏi một quan điểm về định nghĩa rất khác với cách giải thích chuẩn.

CON ĐÒ <= KHÁNG CHIẾN

CON - ĐÒ - KHÁNG - CHIẾN

= con đò phục vụ công cuộc kháng chiến

NGÀY CÔNG <= CHỐNG MỸ

NGÀY - CÔNG - CHỐNG - MỸ

= ngày công phục vụ cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước

CON CHỮ <= CỤ HỒ

CON - CHỮ - CỤ - HỒ

= con chữ nhờ cách mạng do cụ Hồ lãnh đạo đưa lại.

Như vậy, xét cho cùng, nếu coi đơn vị định danh mở rộng như hiện thân tiêu biểu của một *hành vi ngôn ngữ mang tính hành động xã hội*, thì chính hành vi này, chẳng những luôn chịu sự tác động từ hoàn cảnh, mà nó còn tích cực tác động trở lại hoàn cảnh. Sự kích thích ấy cũng là nhân tố thuộc về động lực xã hội. Nó định hướng hành động xã hội cho ngôn ngữ, biến hành vi giao tiếp thành nhân tố "vừa cá nhân vừa xã hội", làm cho ngôn ngữ "vừa cho tôi vừa cho anh" (Các Mác), trở nên dễ hiểu đối với con người. Nói cách khác, định hướng hành động khi trở thành yêu cầu xã hội bức thiết lan tỏa trong cộng đồng, thì nó thường tạo một sự nhạy bén cho quảng đại quần chúng trong cách chia sẻ những hiện tượng ngôn ngữ mới. Nghiên cứu ngôn ngữ, đặc biệt là những định danh mở rộng, càng là một dịp để chúng ta không xa rời tiền giả định nằm trong chiều sâu ngữ cảnh, mang tính hành động xã hội trong mối liên hệ với cách tạo nghĩa theo hướng trên, đặc biệt là cách tạo nghĩa của những nhà văn hóa, nhà tư tưởng lớn.

Từ cách nhìn này, ta có thể thấy, chẳng hạn, vì sao từ góc độ tạo nghĩa theo hướng mở rộng định danh, Hồ Chí Minh dùng yếu tố NHÂN DÂN để xác lập định danh *quân đội NHÂN DÂN*, dùng yếu tố CÁCH MẠNG để xác lập định danh *quân chúng CÁCH MẠNG*. Và chính như vậy, vì sao Người lại dùng cụm từ KÍNH

CHÚA YÊU NƯỚC để xác lập định danh KÍNH CHÚA YÊU NƯỚC?... Phải chăng, từ chiều sâu tư tưởng và tầm nhìn thực tiễn của mình, nhà văn hóa lớn Hồ Chí Minh của chúng ta đã chủ động đưa những cảm quan của chính mình vào ngôn ngữ, qua đó, Người đã phát hiện, vừa định hướng, vừa kích thích, đòi hỏi phẩm chất mới xuất hiện của sự vật phải ngày càng được hoàn thiện và phổ biến trong quá trình phát triển cách mạng gắn với nhân tố chủ động (tự mình phấn đấu hoàn thiện) của chính con người.

Nghĩ cho cùng, đối với con người, thực ra không có hành động cải tạo nào mà không bắt đầu từ nhận thức. Do vậy, khi trao một định hướng nhận thức mới cho cộng đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh (cũng như những nhà cách mạng, nhà tư tưởng lớn) đồng thời cũng trao luôn một định hướng hành động mới (new action orientation) cho cộng đồng thông qua ngôn ngữ.

Phân tích cách sử dụng định danh mở rộng của Hồ Chí Minh theo hướng trên, phải chăng, cũng chính là xác nhận một cách có ý thức hơn về một loại hành vi ngôn ngữ với động lực xã hội từ chiều sâu trong tư tưởng cách mạng của chính Người. Trường hợp này, nếu thoát li khỏi tiền giả định về xã hội, thời đại đang đặt ra trong ngôn cảnh để định hướng hành động cho con người lúc bấy giờ (qua sự chia sẻ ý định, niềm tin)... thì những cấu trúc định danh mở rộng trên - nói theo Halliday (1978) - không còn là một "hành vi ngôn ngữ thực tế" (actual linguistic behaviour) mà đó chỉ là một "tiềm thức hành vi ngôn ngữ" (linguistic behaviour potential) [7, 7]. Theo chúng

tôi, với Halliday, *actual* và *potential* đây không chỉ là vấn đề thuật ngữ, mà đây chính là cách nhấn mạnh về một sắc thái triết đề cần được cập nhật trong cách nhận thức về *động lực xã hội trong hành vi ngôn ngữ*. Về phương diện này, chắc chắn cũng không phải ngẫu nhiên mà Stalnaker [5] - người đang tích cực nghiên cứu các góc độ tích hợp về hành vi ngôn ngữ hiện nay, đã đặc biệt khuyến cáo chúng ta: Các hành vi ngôn ngữ không chỉ đơn thuần là hình thức thể hiện của ý định giao tiếp để được công nhận, mà là các hành động chính thức mang lại kết quả (xem [6, 12]).

Với cách nhìn triết đề này, *hành vi ngôn ngữ* ở đây không phải là loại "thuyết hành vi ngôn ngữ có xu hướng xác định các cử chỉ hơn là việc mang lại các hiệu ứng của Searle và Grice" [6, 9]; và khi đã không như vậy thì ngôn cảnh ở đây chắc chắn không chỉ là cái khung chung sẵn có của những điều kiện hoàn toàn khách quan, bất biến, mang tính cơ giới như lâu nay ít nhiều ta vẫn quan niệm; trái lại, nó là cái vừa khách quan vừa chủ quan vốn đang biến động, không thể tách rời với mục đích thực tiễn mang tính hành động xã hội đang được thực thi qua hiệu ứng giao tiếp. Theo chúng tôi, điều này đã thể hiện rõ qua cách nhìn của chúng ta về định danh mở rộng trong cách viết của Hồ Chí Minh. Nhưng, hình như không chỉ có thế. Hành vi ngôn ngữ phải mang động lực xã hội này, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, còn nằm sâu trong tư tưởng ngôn ngữ của Người như một chiến lược về cách dùng (strategy in use) đã được đúc kết thành phương châm: "Khi nói, khi viết phải làm cho quần

chúng đều hiểu, đều tin và quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình".

Từ mối liên hệ mở rộng trên, ta càng có điều kiện hiểu rõ thêm vì sao Halliday coi hành vi xã hội là yếu tố hàng đầu trong ngữ cảnh ("ngữ cảnh vừa là hành vi xã hội, vừa là cấu trúc quan hệ, vừa là tổ chức tín hiệu" (xem [7, 6]). Trong tính tích hợp của mô thức được xác lập, rõ ràng, Halliday chẳng những không tách hành vi xã hội ra khỏi cấu trúc quan hệ và hành động ngôn ngữ, mà còn luôn lấy hành động ngôn ngữ làm thước đo năng lực ngôn ngữ theo nguyên tắc "Biết sử dụng ngôn ngữ chẳng khác nào biết làm gì với ngôn ngữ. (Xem [7, 7]).

Nhìn định danh mở rộng với động lực xã hội được thực tiễn hóa theo hướng của Lakoff, Stalnaker, Halliday (và cả Chủ tịch Hồ Chí Minh nữa!), ta càng có thêm điều kiện nhận rõ đâu là bản chất vấn đề về mối liên hệ giữa hành vi ngôn ngữ và hành động xã hội, và đâu là cái cần phải cập nhật trong nghiên cứu định danh mở rộng hiện nay.

Hướng nhìn trên chẳng những làm rõ động lực xã hội là nhân tố đã tạo ra trạng thái ngữ cảnh mới cho định danh mở rộng mà - chính từ đó - nó còn giúp ta hiểu đúng hơn vì sao động lực xã hội không thể giải thích trong sự tách rời với yếu tố tiền giả định nằm trong ngữ cảnh xã hội mới, mang ý nghĩa xã hội thời đại, trong tính tích hợp của nó. Rõ ràng, về mặt thao tác, chỉ khi nào đi vào động lực mới của xã hội trong hành vi ngôn ngữ, chúng ta mới thực sự có điều kiện khám phá và lí giải thực chất những gì thuộc về ngữ cảnh của định

danh mở rộng. Đồng thời, cũng vậy, nếu không nhận dạng và lí giải đầy đủ được những gì thuộc về ngữ cảnh xã hội mới của định danh, thì ta không thực sự sáng rõ cái gọi là "động lực xã hội trong hành vi ngôn ngữ" đang có của đối tượng. Cuối cùng, khi khảo sát từ góc nhìn tham chiếu "cách dùng" theo hướng ngôn ngữ xã hội học ngày nay, nếu không nhận ra được *động lực xã hội trong hành vi ngôn ngữ* (cả từ góc nhìn tạo nghĩa lẫn góc nhìn hiệu ứng giao tiếp) trong mối quan hệ biện chứng nêu trên, là ta chưa thực chất đi đúng vào cái đích cuối cùng cần cập nhật đang đặt ra đối với định danh mở rộng. Vì rằng, xét cho cùng, chỉ khi nào nghĩa của từ biến thành hiệu lực giao tiếp (communicative effect) thì trong tính hiện thực của nó, ngôn ngữ mới đích thực trở thành công cụ giao tiếp xã hội.

Nhìn chung, nghiên cứu khi đi vào bản chất mở trong sự hình thành của nhiều hiện tượng thuộc về đời sống xã hội vốn liên quan đến ngôn ngữ (trong đó có *định danh mở rộng*), không phải hoàn toàn ngẫu nhiên mà càng ngày người ta càng chú ý đến quá trình *lí giải hành vi ngôn ngữ với động lực xã hội không tách rời ngữ cảnh văn hóa xã hội từ chiều sâu* theo hướng ngôn ngữ xã hội học với những cảm thức mạnh mẽ, nhạy bén và tự tin về ngữ dụng học. Vì sao Halliday chú ý đến "cách dùng" cùng với sự nhấn mạnh vấn đề "ngôn cảnh" trong tạo nghĩa? Vì sao các nhà phê bình diễn ngôn hiện nay lại kêu gọi "trả văn cảnh xã hội thực" về lại cho văn bản bằng cách "tái ngữ cảnh hóa" (recontextualisation)? Vì sao Fairclough vận dụng phương pháp *ba chiều đo* (*the three dimensional*

method) không tách miêu tả, phân tích và lí giải từ chiều sâu xã hội thông qua ngữ cảnh? Theo chúng tôi, phải chăng, không ngoài lí do "linguistic in use" theo hướng ngữ dụng mà những nhà ngôn ngữ học tri nhận ngày nay ít nhiều hình như tỏ ra "cực đoan hơn" khi nhấn mạnh nhân tố kích hoạt theo ngôn cảnh trong cách tham chiếu để xử lí vấn đề tạo nghĩa của ngôn ngữ?!

Thay lời kết

1) Suy cho cùng, tạo nghĩa mới đối với đơn vị định danh mở rộng, thực ra, không chỉ là vấn đề thuộc phạm trù hình thái của ngôn ngữ học. Trước khi là vấn đề của ngôn ngữ học, nó đã phải là cái mới thuộc về định hướng hành động đặt ra từ yêu cầu thực tiễn xã hội đối với con người - một loại yêu cầu mà - tuy không nói ra - nhưng nhận thức chung của cộng đồng đang cùng nhau chia sẻ nó như một tiền giả định từ chiều sâu.

2) Từ cách nhìn này, đơn vị định danh mở rộng chính là hiện thân tiêu biểu về một dạng hành vi xã hội của ngôn ngữ. Nó là đối tượng đã cập nhật hóa được yêu cầu bức thiết vừa đang phát sinh của xã hội và chuyển hóa thành bình diện nhận thức, thông qua sự áp đặt ngữ cảnh mới vào cấu trúc ngôn ngữ, để định hướng hành động cho con người.

3) Tác dụng của chức năng như một hành vi xã hội của đơn vị định

danh mở rộng này được phát huy dưới dạng chia sẻ, động viên, khích lệ, tôn vinh... qua từng tình huống tương tác cụ thể trong giao tiếp và hành động của cộng đồng... Với người nghiên cứu, nó còn đánh thức nhiều khía cạnh biện chứng đan xen, làm thành cơ chế của một loại ngôn cảnh tích hợp vừa là hành vi xã hội, vừa là cấu trúc quan hệ, vừa là tổ chức tín hiệu (theo cách nhìn của Halliday).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Cơ sở triết học trong ngôn ngữ học*, Nhiều tác giả, H., 1985.
2. G. Lakoff, *Chúng ta sống theo ẩn dụ* (Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Thị Kiều Thu, ĐH KHXH & NV Tp. Hồ Chí Minh) 2008.
3. E. Agricola, *Semantische Relationen im Text und im System*, Halle, 1972.
4. M.A.K Halliday, *Language as social semiotic: The social interpretation of language and meaning*, Baltimore, 1978.
5. R. Stalnaker, *Context and content*, Oxford Uni Press, 1999.
6. Dương Thị Thực, *Về hành vi ngôn ngữ trong ngữ cảnh*, T/c Ngôn ngữ và đời sống, Số 3, 2012.
7. Lê Văn Canh, *Noam Chomsky và Michael Hallyday*, T/c Ngôn ngữ và đời sống, Số 12, 2010.